TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẢO LÂM** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án: 18/2022/HNGĐ- ST Ngày: 08-4-2022. *V/v "Xin ly hôn "giữa anh Nguyễn Văn Th và chị Đậu Thị Lựu*	**NHÂN DANH** **NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Đình Phong –** Thẩm phán.
- Các Hội thẩm nhân dân:
- Ông **Nguyễn Ry.**
- Ông **Phạm Đức Minh.**
- Thư ký phiên tòa: Bà **Vũ Thị Thúy Thành** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà **Lâm Thị Hồng** – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 08 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số 129/2021/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2021 về việc "*xin ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn T**– Sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn 8, xã Lộc Nam, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Chị **Đậu Thị L** – Sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn 08, xã Lộc Nam, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh **Nguyễn Văn Thanh**, sinh năm 1981 và chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn 09, xã Lộc Nam, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn về phần tài sản chung, tài sản riêng: Bà **Trương Thị Ng**, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Tổ 9, thị trấn Lộc Thắng, Bảo Lâm, Lâm Đồng.

(Anh Thịnh, chị Lựu, bà Ng có mặt tại phiên tòa. Ông THbà H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13-5-2021 và những lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân:

Ý kiến anh Thịnh: Anh và chị L chung sống với nhau từ năm 2019 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lộc Nam, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng. Việc chung sống là hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và được sự đồng ý của hai bên gia đình. Qúa trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, gia đình hai bên khuyên can mà không được, vợ chồng đã sống ly thân từ 14/5/2021 đến nay, do tình cảm vợ chồng không còn nên anh Th yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Lựu.

- Ý kiến chị Lựu: Việc chung sống, đăng ký kết hôn như anh Th trình bày là đúng. Qúa trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã sống ly thân từ 14/5/2021 đến nay. Nay anh Th yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn chị L cũng đồng ý ly hôn với anh Thịnh.

Về con chung:

- Ý kiến anh Th : Quá trình sống chung anh và chị L có 01 con chung là Nguyễn Khánh Quỳnh, sinh ngày 04/02/2020, ly hôn anh đồng ý giao con chung cho chị L nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 1.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng; Hiện nay anh đang làm vườn và bán thuốc bảo vệ thực vật có thu nhập khoảng 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng / tháng.

- Ý kiến chị Lựu: Quá trình chung sống chị và anh Th có 01 con chung là Nguyễn Khánh Quỳnh, sinh ngày 04/02/2020, ly hôn chị L yêu cầu được nhận nuôi con chung đến đủ 18 tuổi, chị L yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 2.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng.

Về tài sản chung:

Anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết vì anh cho rằng vợ chồng tự thỏa thuận.

Ngày 02/7/2021 chị L có đơn khởi kiện về việc phân chia tài sản chung của vợ chồng chị yêu cầu phân chia tiệm thuốc bảo vệ thực vật Th Nông tại thôn 8, xã Lộc Nam, Bảo Lâm có trị giá 200.000.000 đồng chị yêu cầu anh Th phải trả lại cho chị 100.000.000 đồng và trong quá trình chung sống chị có đóng góp số tiền 165.000.000đồng gồm các khoản tiền đi sinh đẻ, tiền mua cây giống, tiền mua thùng phi và nguyên vật liệu làm phân sinh học, tiền mua bình xịt thuốc, mua máy nổ về tưới nước, tiền thu hoạch chuối, tiền đi bán đất về bỏ vào tiệm lấy phân và thuốc bán xoay vòng, tiền mua nguyên vật liệu dụng cụ làm không gian bếp, tiền mừng thôi nôi, tiền đóng góp công sức, tiền thu hoạch trà bán được 10 đợt, mỗi đợt thu hoạch được từ 8-10 triệu, trung bình là 80.000.000 đồng, tổng cộng chị yêu cầu anh Th phải trả lại cho chị số tiền 265.000.000đồng.

Đến ngày 28/02/2022 chị L thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện:

Chị L trình bày: Qúa trình chung sống chị và anh Th có tiệm thuốc bảo vệ thực vật Th Nông tại thôn 8, xã Lộc Nam, Bảo Lâm trị giá thành tiền là 120.000.000 đồng, nay chị yêu cầu chia đôi, yêu cầu anh Th THtoán bằng tiền mặt cho chị số tiền 60.000.000 đồng, chị đồng ý giao cho anh Th được nhận toàn bộ hiện vật là tài sản trong cửa tiệm thuốc bảo vệ thực vật mà không yêu cầu thẩm định tại chỗ và thẩm định giá tài sản và yêu cầu anh Th trả số tiền thu hoạch trà bán được 10 đợt,

mỗi đợt thu hoạch được từ 8-10 triệu, trung bình là 80.000.000 đồng, chị yêu cầu được nhận ½ số tiền là 40.000.000 đồng. Nguồn gốc số tiền này do bạn chị cho mượn 03 sào trà cành để làm và chăm sóc, khi thu hoạch anh Th cầm hết tiền, còn việc anh Th cầm tiền thu hoạch trà thì chị không có chứng cứ gì.

- Ý kiến anh Thịnh: Qúa trình chung sống anh và chị L có tiệm thuốc bảo vệ thực vật Th Nông tại thôn 8, xã Lộc Nam, Bảo Lâm trị giá thành tiền là 120.000.000 đồng, số tiền này do anh trai là Nguyễn Văn THthế chấp sổ đỏ tại Ngân hàng để cho vợ chồng mượn. Từ ngày chị L ra sống riêng, anh là người quản lý tiệm thuốc này, giá trị hiện tại khoảng 120.000.000 đồng. Do chị L không đóng góp khoản tiền nào vào tiệm thuốc này nên anh không đồng ý chia cho chị Lựu, trường hợp chị L được chia ½ giá trị tài sản trên thành tiền là 60.000.000 đồng thì anh yêu cầu được nhận toàn bộ hiện vật là tài sản trong cửa tiệm thuốc bảo vệ thực vật mà không yêu cầu thẩm định tại chỗ và thẩm định giá tài sản cũng không đề nghị Tòa án ghi nhận anh được nhận những hiện vật nào.

Qúa trình chung sống anh và chị L có mượn bạn của chị L 03 sào trà cành để làm và chăm sóc số tiền thu hoạch trà bán được 10 đợt, mỗi đợt thu hoạch được từ 8-10 triệu, trung bình là 80.000.000 đồng, chị L yêu cầu anh trả ½ số tiền là 40.000.000 đồng thì anh không đồng ý, vì số tiền đó đã chi phí trang trải trong cuộc sống gia đình.

Về nợ chung:

- Ý kiến anh Thịnh: Qúa trình chung sống vợ chồng có nợ ông THbà H 120.000.000 đồng nhưng do ông THbà H không yêu cầu Tòa án giải quyết khoản nợ này trong vụ án nên anh Th cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Ý kiến chị Lựu: Qúa trình chung sống vợ chồng không nợ chung ai
- Ý kiến ông TH bà H: Trong năm 2020 vợ chồng ông THbà H có cho vợ chồng anh Th chị L vay số tiền 120.000.000 đồng để mở tiệm thuốc bảo vệ thực vật nay vợ chồng anh Th chị L ly hôn vợ chồng ông THbà H không yêu cầu anh Th chị L trả khoản nợ trên trong vụ án này sau này nếu có yêu cầu vợ chồng ông THbà H sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác.

Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn thay đổi một phần lời trình bày của mình anh Th cho rằng thu nhập chè bạn của chị L cho mượn khoảng 20.000.000đồng và đã chi tiêu trong gia đình. Bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn về phần tài sản chung, tài sản riêng trình bày trong quá trình chung sống anh Th chị L còn có 1,5 ha đất, trong đó có 01 ha đất trồng cà phê và cây ăn trái 05 sào đất trồng chè đây là tài sản do bố mẹ anh Th cho nhưng chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này, nếu sau này chị L có yêu cầu thì sẽ yêu cầu khởi kiện một vụ án khác .

Sau khi Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn Th về việc xin ly hôn với chị Đậu Thị Lựu.

Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Khánh Quỳnh, sinh ngày 04/02/2020 cho chị L nuôi dưỡng đến khi cháu Quỳnh tròn 18 tuổi. Buộc anh Th có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Quỳnh với số tiền 1.500.000 đồng/ tháng, cấp dưỡng hành tháng, thời gian bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 4/2022.

Về Tài sản chung: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Đậu Thị L về việc yêu cầu chia tài sản chung với anh Nguyễn Văn Thịnh.

Buộc anh Nguyễn Văn Th phải trả lại cho chị Đậu Thị L 60.000.000 đồng, anh Th được nhận toàn bộ hiện vật trong tiệm thuốc bảo vệ thực vật.

Bác yêu cầu của chị Đậu Thị L về việc yêu cầu chia tài sản chung với anh Nguyễn Văn Th đối với số tiền thu hoạch trà 40.000.000 đồng.

Đình chỉ yêu cầu của chị L đối với khoản tiền đi sinh đẻ, tiền mua cây giống, tiền mua thùng phi và nguyên vật liệu làm phân sinh học, tiền mua bình xịt thuốc, mua máy nổ về tưới nước, tiền thu hoạch chuối, tiền đi bán đất về bỏ vào tiệm lấy phân và thuốc bán xoay vòng, tiền mua nguyên vật liệu dụng cụ làm không gian bếp, tiền mừng thôi.

Về án phí : Đề nghị Hội đồng xét xử buộc anh Th và chị L phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về quan hệ hôn nhân: Anh Th và chị L chung sống với nhau từ năm 2019 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lộc Nam, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng. Việc chung sống là hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và được sự đồng ý của hai bên gia đình. Qúa trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã sống ly thân từ 14/5/2021 đến nay, do tình cảm vợ chồng không còn nên anh Th xin được ly hôn với chị Lựu. Chị L cũng đồng ý được ly hôn với anh Thịnh, chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cần công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn Th và chị Đậu Thị L là có cơ sở và đúng pháp luật.

[2] Về con chung: Quá trình sống chung anh Th và chị L có 01 con chung là Nguyễn Khánh Quỳnh, sinh ngày 04/02/2020, ly hôn anh đồng ý giao con chung cho chị L nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 1.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng; chị L đồng ý nhận nuôi chung là Nguyễn Khánh Quỳnh, sinh ngày 04/02/2020 cho đến khi chung đủ 18 tuổi, chị L

yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con với số tiền 2.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng.

Do vậy cần áp dụng Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Giao con chung là Nguyễn Khánh Quỳnh, sinh ngày 04/02/2020 cho chị L nuôi dưỡng đến khi cháu Quỳnh tròn 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con hiện nay anh Th đang làm vườn và bán thuốc bảo vệ thực vật có thu nhập khoảng 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng / tháng, căn cứ vào nhu cầu sinh hoạt thực tế của cháu Quỳnh và thu nhập của anh Th cần áp dụng khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, buộc anh Th có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Quỳnh với số tiền 1.500.000 đồng/ tháng, cấp dưỡng hàng tháng, thời giam bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 4/2022.

[3] Về tài sản chung: Qua xem xét yêu cầu của chị L cùng anh Th Hội đồng xét xử nhận thấy anh Th và chị L đều thừa nhận qúa trình chung sống anh và chị L có tiệm thuốc bảo vệ thực vật Th Nông tại thôn 8, xã Lộc Nam, Bảo Lâm trị giá thành tiền là 120.000.000 đồng. Anh Th cho rằng nguồn tiền của tiệm thuốc bảo vệ thực vật Th Nông do anh trai là Nguyễn Văn THthế chấp sổ đỏ tại Ngân hàng để cho vợ chồng mượn, do vậy cần xác định đây là tài sản chung của anh Th với chị Lựu, trong quá trình giải quyết vụ án anh Th và chị L không yêu cầu thẩm định tại chỗ và thẩm định giá tài sản đối với tiệm thuốc bảo vệ thực vật Th Nông, anh Th và chị L thống nhất trị giá tiệm thuốc bảo vệ thực vật Th Nông là 120.000.000 đồng chị L yêu cầu được nhận 60.000.000đồng, anh Th cũng khẳng định nếu Tòa án xác định tiệm thuốc bảo vệ thực vật Th Nông là tài sản chung thì anh yêu cầu được nhận bằng hiện vật, do vậy áp dụng điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cần buộc anh Th phải trả lại cho chị L 60.000.000 đồng là tài sản chung của anh Th với chị L đối với hiện vật trong tiệm thuốc bảo vệ thực vật Th Nông.

Đối với yêu cầu anh Th trả số tiền thu hoạch trà 40.000.000 đồng, hiện nay anh Th cho rằng chỉ thu nhập được khoảng 20.000.000 đồng đã chi phí trang trải trong cuộc sống gia đình hiện nay không còn, chị L yêu cầu nhưng không có chứng cứ gì để chứng minh anh Th giữ số tiền 80.000.000 đồng là tài sản chung do vậy cần bác yêu cầu này của chị Lựu.

Đối với 1,5 ha đất, trong đó có 01 ha đất trồng cà phê và cây ăn trái 05 sào đất trồng chè theo chị L trình bày đây là tài sản do bố mẹ anh Th cho anh Th và chị L nhưng chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này, nên Hội đồng xét xử không giải quyết nếu sau này chị L có yêu cầu thì sẽ khởi kiện một vụ án khác.

Đối với khoản tiền đi sinh đẻ, tiền mua cây giống, tiền mua thùng phi và nguyên vật liệu làm phân sinh học, tiền mua bình xịt thuốc, mua máy nổ về tưới nước, tiền thu hoạch chuối, tiền đi bán đất về bỏ vào tiệm lấy phân và thuốc bán xoay vòng, tiền mua nguyên vật liệu dụng cụ làm không gian bếp, tiền mừng thôi nôi do chị L rút yêu cầu nên cần đình chỉ yêu cầu này.

[4] Về nợ chung: Anh Th cho rằng có nợ ông THbà H 120.000.000 đồng , chị L không thừa nhận, ông THbà H cho rằng có cho vợ chồng anh Th chị L vay số tiền 120.000.000 đồng nay vợ chồng anh Th chị L ly hôn vợ chồng ông THbà H không

yêu cầu anh Th chị L trả khoản nợ trên trong vụ án này, sau này nếu có yêu cầu vợ chồng ông THbà H sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

[5]Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Th chị L mỗi người được chia tài sản chung là 60.000.000đồng nên anh Th chị L mỗi người phải chịu 3.000.000đồng án phí DSST về yêu cầu chia tài sản chung (60.000.000 đồng x 5% = 3.000.000 đồng).

Do yêu cầu anh Th trả lại 40.000.000 đồng tài sản chung không được Tòa án chấp nhận nên chị L phải chịu 2.000.000đồng án phí DSST về yêu cầu chia tài sản chung không được Tòa án chấp nhận (40.000.000 đồng x 5% = 2.000.000 đồng).

Anh Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên anh Th phải chịu án phí DSST về cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng và án phí DSST xin ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 207; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 55; Điều 59; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

1/ Xử: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh **Nguyễn Văn Th** và chị **Đậu Thị Lựu**.

2/ Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Khánh Quỳnh, sinh ngày 04/02/2020 cho chị L nuôi dưỡng đến khi cháu Quỳnh tròn 18 tuổi. Buộc anh Th có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Quỳnh với số tiền 1.500.000 đồng/ tháng, cấp dưỡng hàng tháng, thời gian bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 4/2022.

"Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn cũng như việc thăm nom, chăm sóc con theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình".

3/ Về Tài sản chung: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Đậu Thị L về việc yêu cầu chia tài sản chung với anh Nguyễn Văn Thịnh.

Buộc anh Nguyễn Văn Th phải trả lại cho chị Đậu Thị L 60.000.000 (Sáu mươi triệu)đồng.

Bác yêu cầu của chị Đậu Thị L về việc yêu cầu chia tài sản chung với anh Nguyễn Văn Th đối với số tiền thu hoạch trả 40.000.000 (Bốn mươi triệu)đồng.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Đậu Thị L đối với khoản tiền đi sinh đẻ, tiền mua cây giống, tiền mua thùng phi và nguyên vật liệu làm phân sinh học, tiền mua bình xịt thuốc, mua máy nổ về tưới nước, tiền thu hoạch chuối, tiền đi bán đất

về bỏ vào tiệm lấy phân và thuốc bán xoay vòng, tiền mua nguyên vật liệu dụng cụ làm không gian bếp, tiền mừng thôi.

"Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác".

4/Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc anh Nguyễn Văn Th phải nộp 300.000đ án phí Dân sự sơ thẩm xin ly hôn, 300.000đ án phí Dân sự sơ thẩm cấp dưỡng nuôi con và 3.000.000đ án phí Dân sự sơ thẩm trên phần tài sản được nhận, Tổng cộng anh Th phải nộp 3.600.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000đ anh Th đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0004993 ngày 07/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng. Anh Th còn phải nộp 3.300.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm.

Buộc chị Đậu Thị L phải nộp 3.000.000đ án phí Dân sự sơ thẩm trên phần tài sản được nhận và 2.000.000đ án phí Dân sự sơ trên phần yêu cầu chia tài sản chung bị bác. Tổng cộng chị L phải nộp 5.000.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 6.625.000 đồng chị L đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0004069 ngày 07/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng. Hoàn trả lại cho chị L 1. 625.000 đồng tiền tạm ứng án phí.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án (Hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự), để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

(Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chỉ được quyền kháng cáo phần có liên quan).

"Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự."

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Bảo Lâm;
- Chi cục THADS huyện Bảo Lâm;
- UBND xã Lộc Nam, huyện Bảo Lâm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Đình Phong

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ry **Phạm Đức Minh** **Nguyễn Đình Phong**

.